

Số: 1216 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 06 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
dự án “Xây mới trạm y tế xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 685/TTr-TNMT ngày 02/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây mới trạm y tế xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sơn Động (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định¹: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm

¹ Thành lập theo Quyết định số 858/QĐ-TNMT ngày 30/8/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND huyện Sơn Động, UBND xã An Lạc; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Sơn Động và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Ban QLDA ĐTXD huyện Sơn Động (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Công thông tin điện tử tỉnh;
 - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Của dự án “Xây mới trạm y tế xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang”
(Kèm theo Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 06 /11/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Xây mới trạm y tế xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.
- Địa điểm thực hiện: Xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Sơn Động.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất.

- Phạm vi: Dự án “Xây mới trạm y tế xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang” được thực hiện tại xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang với diện tích 0,5 ha.

- Quy mô, công suất của dự án: Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình dự án “Xây mới trạm y tế xã An Lạc, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang” trên diện tích 0,5 ha, bao gồm: San nền, xây mới nhà trạm y tế và các công trình phụ trợ như nhà xe, sân, rãnh thoát nước, tường rào, hệ thống cấp điện,...

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, xây mới nhà trạm y tế và các công trình phụ trợ như nhà xe, sân, rãnh thoát nước, tường rào, hệ thống cấp điện,...

- Hoạt động của dự án đầu tư:

- + Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.
- + Hoạt động vận hành dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên với diện tích 0,5 ha (5.000m²);

Theo quy định tại điểm đ, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án thuộc đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư: Dự án chiếm dụng khoảng 0,5 ha đất, trong đó hoàn toàn là đất trồng lúa 2 vụ.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng, phát quang thực vật,...

- Hoạt động san nền và thi công xây dựng các hạng mục công trình:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn sau: Từ hoạt động san nền và đào đắp móng công trình; Từ quá trình vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; Từ quá trình bốc dỡ, lưu trữ nguyên vật liệu; Từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công; Từ quá trình hàn; Từ quá trình vệ sinh công trình sau khi thi công.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng trên công trường; Nước thải từ quá trình thi công xây dựng; nước mưa chảy tràn.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; chất thải rắn từ hoạt động giải phóng mặt bằng; chất thải từ hoạt động đào đắp san nền và chất thải rắn từ hoạt động thi công xây dựng.

+ Chất thải nguy hại gồm giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại; ắc quy, pin thải, bao bì cứng bằng kim loại thải, que hàn thải, dầu nhớt tổng hợp thải, thùng chứa dầu nhớt.

- Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị xây dựng.

- Tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn giao thông; rủi ro, sự cố do thiên tai,...

2.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào trạm y tế;

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh;

+ Mùi, khí thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh, bể tự hoại, hệ thống thoát nước thải, khu lưu chứa rác thải;

+ Khí thải phát sinh từ máy điều hòa nhiệt độ;

+ Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu tại nhà bếp.

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại dự án.

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh gồm nước rửa dụng cụ y tế, rửa tay của cán bộ nhân viên trong quá trình khám, chữa bệnh.

+ Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi từ mái nhà, đất cát từ sân, đường đi nội bộ,... xuống hệ thống thoát nước mưa.

- Chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, y bác sỹ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân sinh hoạt tại trạm y tế.

+ Chất thải rắn y tế thông thường phát sinh hoạt động khám chữa bệnh.

+ Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh, tiêm chủng tại dự án, từ hoạt động hàng ngày của các phòng ban của Trạm y tế.

- Tác động gây ra bởi rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố tai nạn giao thông; sự cố thiên tai; sự cố lây lan dịch bệnh; sự cố ngộ độc thủy ngân; sự cố hệ thống thu gom nước thải...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 1,8 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,...

+ Nước thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng khoảng 1,4 m³/ngày đêm với thông số ô nhiễm đặc trưng là: Chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,... Trong đó:

++ Nước thải thi công bao gồm nước thải từ hoạt động rửa nguyên liệu, vệ sinh dụng cụ, thiết bị (cuốc, xẻng, dao xây, thước xây, xô đựng vật liệu,... không dính dầu mỡ) phát sinh khoảng 1,0 m³/ngày.

++ Nước thải từ hoạt động rửa xe phát sinh khoảng 0,4m³/ngày.

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo bụi, đất, cát và các chất lơ lửng ... vào nguồn tiếp nhận. Thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS)...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động san nền, đào đắp móng; bụi từ quá trình vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; bụi từ quá trình bốc dỡ, lưu trữ nguyên vật liệu (cát, sỏi, xi măng,...); bụi từ quá trình vệ sinh công trường sau thi công. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

+ Bụi, khí thải từ quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy móc, thiết bị thi công trên công trường. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, SO₂, NO_x, CO...

+ Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn....

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 9 kg/ngày.

- Chất thải phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 1,1 tấn. Thành phần gồm rơm, rạ, cành cây, lá cây, cỏ, cây bụi, gốc rễ,...

- Chất thải phát sinh từ hoạt động đào đắp, san nền: Tổng khối lượng đất đào thi công san nền và xây dựng các hạng mục công trình dự án khoảng 4.884,93 m³, tương đương khoảng 6.838,9 tấn, trong đó gồm: đất đào móng cấp 3 là 3.884,93 m³ tương đương khoảng 5.438,9 tấn; đất hữu cơ bóc bề mặt khoảng 1.000 m³ tương đương khoảng 1.400 tấn.

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng trên đất khoảng 39,02 tấn (trong đó phá dỡ tuyến mương xây khoảng 36,52 tấn, di dời mả mả khoảng 2,5 tấn).

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động xây dựng khoảng 14,73 tấn/ cả quá trình thi công, tương đương khoảng 67,62 kg/ngày, trong đó gồm:

+ Đầu đầu mẫu sắt thép, bao bì carton, nhựa, nilon,... phát sinh khoảng 7,36 tấn/cả quá trình thi công, tương đương khoảng 47,21 kg/ngày;

+ Gạch vỡ, cốp pha, ván khuôn,... phát sinh khoảng 4,2 tấn/cả quá trình thi công, tương đương khoảng 13,46 kg/ngày;

+ Cặn bê tông, vữa dư thừa,... phát sinh khoảng 2,17 tấn/cả quá trình thi công, tương đương khoảng 6,95 kg/ngày.

* Chất thải nguy hại như: Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, ắc quy, pin thải, bao bì cứng bằng kim loại thải, que hàn thải, dầu nhớt tổng hợp thải,... phát sinh khoảng 17,56 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng (máy khoan, máy ủi, máy xúc, ô tô vận tải,...). Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế- xã hội khu vực; tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyên; tác động do bom mìn tồn lưu trong đất,...

- Tác động bởi các rủi ro, sự cố của dự án: Sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn giao thông; rủi ro, sự cố thiên tai,...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại dự án khoảng 1,94 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,...

- Nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh gồm nước rửa dụng cụ y tế, rửa tay của cán bộ nhân viên trong quá trình khám, chữa bệnh phát sinh khoảng 0,5 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng là vi khuẩn gây bệnh, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng...

- Nước mưa chảy tràn kéo theo bụi từ mái nhà, đất cát từ sân, đường đi nội bộ,... xuống hệ thống thoát nước mưa. Thông số ô nhiễm đặc trưng là tổng chất rắn lơ lửng (TSS), COD,...

* Khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào trạm y tế. Thông số đặc trưng là bụi, CO, SO₂, NO_x,...

- Khí thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh: Hóa chất khử trùng có khả năng bay hơi như cồn, cloramin B, oxy già, NaOCl,...; mùi hoá chất trong khu vực chứa dược phẩm và thuốc khử trùng.

- Hơi hoá chất từ các dung môi làm vệ sinh, tẩy rửa sàn chủ yếu là các hơi hoá chất Benzyl, polyetylen,....

- Mùi hôi phát sinh từ khu nhà vệ sinh, bể tự hoại, hệ thống thoát nước thải, khu lưu chứa rác thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng là NH₃, CH₄, H₂S,...

- Khí thải phát sinh từ máy điều hoà nhiệt độ.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu tại nhà bếp. Thông số ô nhiễm đặc trưng là NO₂, CO₂, CO,...

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, y bác sỹ và bệnh nhân và người nhà bệnh nhân sinh hoạt tại trạm y tế khoảng 14,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là vỏ bao bì thực phẩm, chai lọ đựng nước uống, vỏ hộp cơm, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn y tế thông thường phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh khoảng 2,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là túi nilon, bìa carton, các dây truyền dịch không dính máu, dính dịch thể người; các chai nhựa, đồ nhựa, bìa carton, vỏ chai truyền dịch, vỏ hộp thuốc, giấy báo không chứa chất lây nhiễm, chất độc hay chất phóng xạ,...

- Chất thải nguy hại từ hoạt động khám chữa bệnh, tiêm chủng tại dự án, từ hoạt động hàng ngày của các phòng ban của Trạm y tế khoảng 147,8 kg/tháng

tương đương 1.774 kg/năm. Thành phần chủ yếu là chất thải lây nhiễm: kim tiêm, xi lanh, băng gạc dính máu hoặc dịch sinh học của cơ thể, các thiết bị y tế vỡ hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế,...), vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm độc tế bào và có cảnh báo từ nhà sản xuất, pin, ắc quy thải bỏ, các loại thủy tinh hoạt tính thải, cát và than hoạt tính ở 2 bể tự hoại thay định kỳ,...

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào dự án.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động đến kinh tế - xã hội, an ninh trật tự khu vực.
- Tác động do rủi ro, sự cố như: Sự cố cháy nổ, chập điện; sự cố tai nạn giao thông; sự cố thiên tai; sự cố lây lan dịch bệnh; sự cố ngộ độc thủy ngân; sự cố hệ thống thu gom nước thải...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt: Trang bị 01 nhà vệ sinh di động có dung tích bồn chứa chất thải khoảng 05 m³. Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bồn chứa chất thải mang đi xử lý theo quy định (tần suất khoảng 1 lần/tuần hoặc khi bể chứa đầy).

* Nước thải thi công xây dựng

- Nước thải từ hoạt động rửa nguyên liệu, vệ sinh dụng cụ, thiết bị (cuốc, xẻng, dao xây, thước xây, xô đựng vật liệu,... không dính dầu mỡ): Bố trí khoảng 05 thùng phuy dung tích 200 lít/thùng chứa nước thải rửa nguyên vật liệu; vệ sinh dụng cụ, thiết bị. Sau đó nước này được tận dụng cho công tác phối trộn vữa, bê tông,... hoặc đập bụi tại chỗ khu vực thi công, không thải ra ngoài môi trường.

- Nước thải từ hoạt động rửa xe: Xây dựng tại công trường thi công 01 hồ lắng cấu tạo 03 ngăn, dung tích 05 m³ /hồ để thu gom, lắng lọc toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe. Nước thải sau khi lắng, lọc được tái sử dụng vào mục đích rửa bánh xe, làm ẩm nguyên vật liệu thi công, tưới nước đập bụi trên công trường thi công.

* Nước mưa chảy tràn:

Vạch tuyến phân vùng thoát nước tạm: Trong quá trình xây dựng công trình thoát nước ngầm, dự án bố trí các tuyến thoát nước tạm thời phải đảm bảo tiêu

thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án. Dự kiến, dự án bố trí rãnh thoát nước tạm thời giai đoạn thi công dự án là rãnh đất BxH = 500x500mm tổng chiều dài khoảng 200m, trên mương rãnh có bố trí các hố ga lắng cặn 1 - 1,5m³ khoảng cách trung bình 20 - 30m, hướng thoát nước phù hợp theo thiết kế san nền từ Bắc xuống Nam và từ Nam lên Bắc.

- Xây dựng mương thoát nước hoàn trả mương chiếm dụng: xây dựng tuyến mương xây B400 với chiều dài 67m độ dốc 0,25% chạy từ phía Đông Bắc sang phía Tây Bắc dự án để cung cấp nước tưới cho cánh đồng phía Tây dự án.

- Không tập trung các loại nguyên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra rãnh thoát nước, cống thu gom, nạo vét bùn tại các hố ga với tần suất 02 tuần/lần và trước các trận mưa lớn để phòng ngừa tắc nghẽn đường cống thoát nước, tránh nguy cơ gây úng ngập.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tất cả các phương tiện vận chuyển nguyên liệu (đất, cát, xi măng, đá...) được phủ kín thùng xe để ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường, đối với các loại nguyên liệu lỏng, các chất được lưu chứa trong các phuy thùng và được kiểm tra cẩn thận khi bốc dỡ cũng như vận chuyển.

- Thực hiện phun nước dập bụi các khu vực sau:

- + Trong quá trình san nền, đơn vị nhà thầu thi công sẽ thực hiện tưới ẩm với tần suất trung bình 2 lần/ngày và tăng tần suất lên 3 - 4 lần/ngày vào các ngày hanh khô, nắng nóng, tại những khu vực phát sinh ra nhiều bụi.

- + Tưới ẩm dọc theo các tuyến đường vận chuyển đất và vật liệu xây dựng 02 lần/ngày, tăng tần suất lên 3 - 4 lần/ngày trong những ngày khô hanh, nắng nóng, chiều dài tuyến đường phun nước trong phạm vi 1km từ vị trí dự án.

- Dựng hàng rào bằng tôn cao từ 2m đến 3m hạn chế bụi phát tán từ quá trình san lấp, đặc biệt là khu vực phía UBND xã An Lạc.

- Không sử dụng các phương tiện, thiết bị (xe, máy thi công quá cũ) đã quá thời gian đăng kiểm hoặc không được các trạm Đăng kiểm cấp phép do lượng khí thải vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

- Trong quá trình hàn cắt kim loại che chắn bằng các vật liệu không cháy hoặc di chuyển các vật liệu dễ cháy ra khỏi khu vực hàn cắt (tối thiểu 10m). Không để vảy hàn có nhiệt độ cao tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, phải có biện pháp an toàn phòng cháy chữa cháy và phương án xử lý cháy, nổ. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp hàn (khoảng 5 công nhân).

- Thực hiện biện pháp làm thông thoáng khu vực sơn tường ở trong nhà: Mở cửa sổ và cửa chính. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trực

tiếp sơn tường và hướng dẫn người lao động sử dụng bảo hộ lao động đầy đủ và đúng cách.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động (găng tay, nón bảo hộ, kính mắt, khẩu trang...) cho công nhân làm việc tại công trường, đồng thời nhắc nhở yêu cầu công nhân sử dụng.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng tại khu vực lán trại để thu gom chất thải rắn sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

- Chất thải từ hoạt động phát quang thảm thực vật: Sau khi thực hiện công tác đền bù xong, đối với phần sinh khối có khả năng tận dụng như rom, rạ, cành cây, lá cây,... chủ dự án sẽ cho người dân tận thu làm thức ăn chăn nuôi gia súc, làm nhiên liệu đốt. Đối với sinh khối không có khả năng tận dụng như gốc rễ, cỏ, cây bụi,... chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ các công trình hiện trạng trên đất: Chủ dự án đảm bảo san nền vào khu vực bãi đỗ xe của dự án, không vận chuyển ra khỏi phạm vi dự án.

- Chất thải từ hoạt động san nền:

+ Đất hữu cơ bóc bề mặt: Được tận dụng san nền khu vườn trồng cây thuốc nam của Trạm y tế.

+ Đất đào móng (đất cấp 3): Được tận dụng để san nền dự án.

Chủ dự án thực hiện các quy định của Luật Khoáng sản và pháp luật khác có liên quan khi tận dụng đất cho dự án.

- Chất thải rắn xây dựng: Thực hiện phân loại và xử lý như sau:

+ Đối với các loại chất thải có thể tái chế như đầu mẩu sắt thép, bao bì carton,...: Thu gom và bán cho các cơ sở thu mua, tái chế.

+ Đối với chất thải như cốt pha, ván khuôn,... được chủ dự án tận dụng tối đa cho hoạt động thi công xây dựng công trình và tận dụng cho các công trình khác.

+ Các loại gạch vỡ, cặn bê tông, vữa dư thừa,...: Được đảm bảo san lấp vào khu vực bãi đỗ xe của dự án.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải

nguy hại.

- Bố trí 04 thùng chứa có dung tích 100 lít/ thùng có nắp đậy đặt tại khu vực lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại (CTNH) trên công trường để thu gom lượng CTNH dạng rắn.

- Bố trí 01 phuy chứa dung tích 200 lít/ thùng có nắp đậy đặt tại khu vực lưu trữ tạm thời CTNH trên công trường để thu gom lượng CTNH dạng lỏng.

- Mỗi loại CTNH được thu gom, lưu trữ, phân loại và dán nhãn CTNH theo đúng quy định.

- Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại, có biển báo theo đúng quy định (dùng loại Container chứa có dung tích 6 m³). Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định với tần suất khoảng 06 tháng/lần.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Có kế hoạch thi công hợp lý, các thiết bị gây tiếng ồn lớn không được hoạt động trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 6 giờ sáng hôm sau.

- Không thi công vào các khung giờ nghỉ trưa và hạn chế thi công máy móc có độ ồn lớn như máy đào, máy lu,... vào ban đêm để không gây ảnh hưởng đến giấc ngủ của người dân.

- Trang bị cho công nhân trang bị các phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn, đảm bảo sức khỏe cho công nhân.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án, trên các đoạn đường chạy qua các khu dân cư tập trung, các khu công cộng, trường học.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, từ đó đặt ra lịch thi công cho phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn cho phép theo các quy chuẩn hiện hành.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Thuê đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom mìn, vật liệu nổ; công tác rà phá bom mìn phải được hoàn tất trước khi tiến hành khởi công dự án.

- Đề ra các nội quy lao động, hướng dẫn cụ thể vận hành, an toàn cho máy móc, thiết bị. Đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân vi phạm.

- Kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị thường xuyên đảm bảo thiết bị luôn hoạt động tốt.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, các thiết bị ứng phó kịp thời với sự cố xảy ra.

- Thành lập đội PCCC được lựa chọn từ các công nhân tham gia thi công lực lượng này được tổ chức học tập huấn luyện nghiệp vụ cơ bản về công tác PCCC.

- Bố trí bể chứa nước, đồng thời bố trí các thùng phuy 100 lít đựng cát khô.
- Lập rào chắn tại khu vực công trường thi công, có bố trí các biển báo, cảnh báo nguy hiểm tại đầu vào khu vực thi công. Thắp đèn chiếu sáng và lắp đèn tín hiệu cảnh báo tại đoạn đường có công trường thi công khi trời tối.
- Phân luồng giao thông, hạn chế tối đa sự tập trung quá đông các phương tiện giao thông cùng lúc, treo biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ trong khu vực thi công tránh các tai nạn đáng tiếc.
- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.
- Xây dựng hệ thống thoát nước tạm thời và thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng, nạo vét đảm bảo tiêu thoát nước cho khu vực, đặc biệt trong mùa mưa, bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai, không làm gia tăng rủi ro thiên tai và phát sinh thiên tai mới.
- Sử dụng các máy bơm công suất lớn để bơm nước tại vị trí ngập úng thoát ra mương quy hoạch tiếp nhận.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Công trình và biện pháp thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải nhà bếp được xử lý tại bể tách dầu mỡ có kích thước 1mx1,2mx0,6m, gồm 2 ngăn rồi đầu nối vào đường ống thoát nước PVC D90 của dự án, sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực (mương thoát nước tại thôn Biêng, xã An Lạc, huyện Sơn Động).

- Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thoát kín hoàn toàn trong hệ thống ống dẫn vào 02 bể tự hoại 5 ngăn cải tiến dung tích 7,5 m³/bể bố trí ngầm tại dưới 02 khu nhà vệ sinh của nhà trạm cùng với nước thải y tế từ hoạt động khám, chữa bệnh, rửa tay, rửa dụng cụ... Nước thải sau khi được xử lý qua 02 bể tự hoại thoát riêng ra 02 bể khử trùng có dung tích 0,25 m³ (0,5m x 0,5m x 1m). Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) sau đó thoát ra hệ thống thoát nước mương thoát nước của khu vực tại thôn Biêng, xã An Lạc, huyện Sơn Động tại 02 điểm xả thải.

* Nước thải y tế:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh gồm nước rửa tay của cán bộ, nhân viên khi thực hiện khám chữa bệnh, nước rửa dụng cụ y tế được đưa về 02 bể tự hoại 05 ngăn cải tiến dung tích 7,5 m³/bể cùng với nước thải sinh hoạt khu nhà vệ sinh. Nước thải sau khi được xử lý qua 02 bể tự hoại thoát riêng ra 02 bể khử trùng có dung tích 0,25 m³ (0,5m x 0,5m x 1m). Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) sau đó thoát ra hệ thống

thoát nước mương thoát nước của khu vực tại thôn Biêng, xã An Lạc, huyện Sơn Động tại 02 điểm xả thải.

- Định kỳ 3 tháng/lần, bổ sung men vi sinh xuống bể tự hoại để tăng hiệu quả xử lý nước thải.

- Định kỳ 1 năm/lần thay vật liệu lọc (cát và than hoạt tính) ở ngăn lọc 2 của bể tự hoại để tăng hiệu quả xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra viên nén khử trùng Cloramin B ở khay chứa và kịp thời bổ sung khi các viên nén gần bị mài mòn hết.

* Nước mưa chảy tràn:

- Nước mưa từ mái các công trình được của dự án được thu gom bằng các ống đứng PVC D110 với chiều dài khoảng 12m về rãnh thoát nước B400 của dự án.

- Nước mưa sân đường dự án được thu về hệ thống rãnh thoát nước mưa B400 của dự án. Rãnh thoát nước B400 có chiều dài 207,95m.

- Bố trí 02 hố ga xây gạch tại các vị trí thay đổi hướng thoát nước của dòng chảy trên tuyến rãnh thoát nước B400.

- Nước mưa thoát ra hệ thống cống thoát nước dọc theo tuyến đường vào trung tâm xã An Lạc thông qua 1 điểm xả, cách cổng chính của trạm khoảng 35m.

- Định kỳ 3 tháng/lần chủ dự án sẽ kiểm tra, nạo vét hệ thống thoát nước, kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời;

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

* Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông ra vào trạm y tế:

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực xung quanh trạm sau mỗi ngày làm việc.

- Giới hạn vận tốc di chuyển trong khu trạm.

- Lập nội quy ra vào khu vực trạm y tế phải tắt máy dặt xe.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực trạm y tế nhằm hạn chế phát tán bụi.

* Khí thải từ hoạt động khám chữa bệnh:

- Lắp đặt hệ thống điều hoà không khí, quạt thông gió tại các phòng.

- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ khu vệ sinh tại các phòng khám chữa bệnh bằng các biện pháp như:

- + Các phòng ban được cấp đủ điện, nước, găng tay vệ sinh, chổi, xô, xà phòng, dung dịch khử khuẩn,...

- + Đặt các thùng rác trong các nhà vệ sinh của từng phòng, từng dãy nhà, hằng ngày được nhân viên vệ sinh thu gom.

- + Nền của các phòng được lát gạch nhẵn, khô, không thấm nước luôn

được lau chùi sạch sẽ hằng ngày bằng nước sát khuẩn.

* Mùi hôi từ khu nhà vệ sinh, bể tự hoại, hệ thống thoát nước thải, khu lưu chứa rác:

- Toàn bộ lượng chất thải sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy trong kho chất thải, tách biệt với các khu vực như khu văn phòng, khu thăm khám bệnh,... đảm bảo không gây ảnh hưởng tới khu vực xung quanh.

- Trạm y tế hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển rác thải đi xử lý theo quy định, không để tồn đọng lâu ngày.

- Nhà vệ sinh tập trung của trạm thường xuyên được dọn rửa và khử mùi nên hạn chế tối đa mùi hôi và không ảnh hưởng tới môi trường không khí. Trong quá trình hoạt động của trạm sẽ chú trọng đến nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên, người bệnh nhằm giữ gìn vệ sinh chung. Tại mỗi nhà vệ sinh sẽ bố trí 1 quạt thông gió.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải: Định kỳ kiểm tra tình trạng thu gom, thoát nước thải của hệ thống cống thoát nước, nạo vét, sửa chữa khi cần để đảm bảo nước thải không tồn đọng trong khu vực dự án gây mùi hôi khó chịu.

* Khí thải phát sinh từ hoạt động đun nấu tại nhà bếp

- Khu vực nhà bếp có bố trí hệ thống thông gió hút tự nhiên (hoặc cơ khí) trong các hành lang kỹ thuật để hoà loãng khí thải vào không khí.

- Trạm y tế sử dụng nhiên liệu sạch, như ga, điện, không sử dụng bếp than tổ ong hoặc các nhiên liệu như củi, trấu, rơm,... để hạn chế phát sinh và lan toả của bụi, khói và khí thải độc hại.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

* Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- Bố trí khoảng 15 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích khoảng 15 lít tại khu vực văn phòng, phòng ban khám bệnh, nhà vệ sinh, nhà ăn, lối đi... để thu gom các chất thải như bao bì thực phẩm phát sinh từ hoạt động ăn uống của cán bộ công nhân viên và bệnh nhân, người nhà bệnh nhân.

+ Bố trí 02 thùng chứa có nắp đậy với dung tích 100 lít/thùng đặt tại kho chứa chất thải rắn sinh hoạt.

Cuối mỗi ngày làm việc, nhân viên trạm y tế sẽ thu gom tất cả rác thải sinh hoạt từ các khu vực phát sinh như khu vực văn phòng, nhà vệ sinh, nhà ăn,... về 2 thùng chứa có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng đặt tại kho chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 3m². Trạm y tế hợp đồng với đơn vị có chức năng vận

chuyển đi xử lý theo quy định (tần suất 2 lần/ tuần)

* Đối với chất thải rắn y tế thông thường:

- Chất thải rắn y tế thông thường được phân loại vào các túi đựng và thùng đựng có màu sắc theo Quy định quản lý chất thải y tế của Bộ Y tế. Cụ thể:

+ Túi hoặc thùng có lót túi và có màu trắng đựng chất thải tái chế được.

+ Túi hoặc thùng có lót túi và có màu xanh đựng chất thải thông thường không tái chế được.

+ Thùng đựng chất thải: Làm bằng nhựa có tỷ trọng cao, thành dày và cứng, mỗi thùng chứa các túi, hộp đựng với màu tương ứng: Thùng màu trắng để thu gom các túi đựng chất thải màu trắng; thùng màu xanh để thu gom các túi đựng chất thải màu xanh.

+ Bên ngoài túi, thùng đựng chất thải có biểu tượng chất thải phù hợp.

- Bố trí 10 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy với dung tích 15 lít/thùng đặt tại các buồng, phòng khám chữa bệnh. Bố trí 2 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng đặt tại kho chứa chất thải rắn y tế thông thường diện tích 10 m² (Kho chứa có nền đổ bê tông, tường xây gạch chỉ đặc trát vữa xi măng, sơn chống thấm, mái lợp tôn).

- Hằng ngày, nhân viên của trạm y tế thu gom, vận chuyển chất thải y tế thông thường và có những biện pháp lưu trữ, xử lý đối với từng loại như sau:

+ Đối với các loại chất thải rắn y tế thông thường có thể sử dụng để tái chế: các chai nhựa, đồ nhựa, bìa carton, vỏ hộp thuốc, vỏ chai truyền dịch,... được thu gom vào các thùng chứa, bao chứa đặt tại kho chứa chất thải rắn y tế thông thường diện tích 10 m² và định kỳ bán lại cho đơn vị thu mua về để tái chế (tần suất 1 lần/tháng).

+ Các loại chất thải rắn y tế thông thường như chai lọ thủy tinh vỡ (loại chai lọ không chứa hoá chất, thuốc có thành phần nguy hại), túi nilon,...: Thu gom vào 2 thùng chứa bằng nhựa chuyên dụng màu trắng có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng. Sau đó trạm y tế sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất khoảng 1 lần/tháng).

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

* Đối với chất thải nguy hại chứa thành phần lây nhiễm

- Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao như mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng dính mẫu bệnh phẩm,...: Được thu gom vào túi đựng chất thải có màu vàng sau đó được xử lý ban đầu bằng cách rắc CloraminB 5% và được buộc kín miệng túi, tiếp tục bỏ vào túi đựng chất thải lây nhiễm thứ 2 màu vàng, buộc kín miệng túi và bỏ vào thùng thu gom chất thải lây nhiễm, bên ngoài thùng có dán nhãn “CHẤT THẢI CÓ NGUY CƠ LÂY NHIỄM CAO”.

- Chất thải có nguy cơ lây nhiễm như: Băng băng, gạc thải, kim tiêm thải,... được thu gom vào các túi đựng và thùng đựng có màu sắc theo Quy chế quản lý chất thải y tế của Bộ Y tế.

- Cán bộ, nhân viên trạm y tế thực hiện thu gom chất thải chứa thành phần lây nhiễm với tần suất 01 lần/ngày hoặc khi thùng chứa đầy về kho chứa chất thải nguy hại diện tích 10 m². Đơn vị tiếp quản hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 02 ngày/lần).

* Chất thải nguy hại không chứa thành phần lây nhiễm:

Được phân loại để lưu giữ trong các thùng chứa dung tích ...lít/thùng có nắp đậy màu đen, được dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại tương ứng đặt tại kho chất thải nguy hại diện tích 10 m². Đơn vị tiếp quản hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định, tần suất 06 tháng/1 lần.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Quy định vận tốc tối đa được phép ra vào Trạm y tế, tắt máy dặt xe khi đến làm việc, khám chữa bệnh. Tăng cường trồng và chăm sóc cây xanh.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng và ban hành nội quy về giữ gìn an ninh trật tự - bảo vệ môi trường - ứng xử văn hóa tại trạm y tế.

- Trang bị hệ thống báo cháy, đèn hiệu, còi cứu hoả. Định kỳ kiểm tra mức độ tin cậy của các thiết bị an toàn (Báo cháy, chữa cháy, chống sét, aptomat...) để có biện pháp thay thế kịp thời.

- Tuyên truyền giáo dục về các biện pháp phòng chống và ứng cứu sự cố cháy nổ cho người bệnh, người nhà bệnh nhân và cán bộ nhân viên trong trạm.

Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng. Lắp đặt thiết bị an toàn cho đường dây tải điện và thiết bị tiêu thụ điện...

- Khi cán bộ y bác sỹ có biểu hiện ốm, nhiễm bệnh cần đưa đến phòng cách ly kịp thời để chữa trị cùng với bệnh nhân.

- Toàn bộ cán bộ y bác sỹ làm việc phải được nâng cao ý thức vệ sinh môi trường và y tế. Đồng thời, trạm trưởng cũng quán triệt các y bác sỹ nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về an toàn lao động tại nơi làm việc.

- Kiểm tra sức khoẻ định kỳ cho toàn thể cán bộ y bác sỹ nhằm phát hiện kịp thời các bệnh nghề nghiệp để có phương án phòng và điều trị.

- Trong quá trình làm việc, khám chữa bệnh các y bác sỹ sẽ được trang bị đầy đủ đồ bảo hộ như áo Blouse, khẩu trang, găng tay,... theo đúng quy định của từng bộ phận.

- Đối với các bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm sẽ được bố trí ở tại

phòng riêng, đeo khẩu trang đầy đủ, phòng thường xuyên được xịt khử khuẩn để hạn chế phát tán bệnh cho người khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng (thuộc trách nhiệm của chủ dự án)

** Không khí làm việc*

- + Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi công xây dựng;
- + Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂
- + Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

** Chất thải rắn*

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5.2. Trong giai đoạn vận hành dự án (thuộc trách nhiệm của đơn vị được giao quản lý dự án)

5.2.1. Nước thải phát sinh từ dự án

- Nước thải của dự án phát sinh khoảng 2,44 m³ /ngày đêm. Căn cứ khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải. Toàn bộ nước thải được thu gom, xử lý tại đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế trước khi thải ra môi trường.

- Đơn vị quản lý thực hiện theo dõi, giám sát thường xuyên đường ống thu gom nước thải, hoạt động của Bể tự hoại.

5.2.2. Chất thải rắn thông thường

- Vị trí giám sát: Tại khu vực dự án.
- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, biện pháp thu gom, xử lý.
- Tần suất: Hàng ngày
- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 quy định về

quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế.

5.2.3. Chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Tại khu vực lưu giữ CTNH.
- Thông số giám sát: Chủng loại và khối lượng CTNH.
- Tần suất: hàng ngày.

- Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong khuôn viên cơ sở y tế.

6. Những yêu cầu đối với Chủ dự án

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công, xây dựng.

- Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải, tiếng ồn) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 685/TTr-TNMT ngày 02/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.